

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2737/2022/DS – ST.

Ngày: 21/7/2022.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vi Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn.

2. Bà Phan Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 cũ), thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 (của Tòa án nhân dân Quận 9 cũ) về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3264/2022/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4058/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPĐA.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Lê P – sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số: 67/QĐ-HMH ngày 27/4/2022).

2. Bị đơn: Ông Lưu Minh C – sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường Phước Bình, thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2019 của nguyên đơn Ngân hàng TMCPĐA, lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lưu Minh C có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCPĐA – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chi tiết như sau: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng DongA Bank số 00/0096/1109 ký ngày 13 tháng 11 năm 2009. Số tiền hạn mức thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời hạn thẻ: 36 tháng và gia hạn kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2013 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016. Lãi suất quá hạn bằng 1,5%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn. Biện pháp đảm bảo nợ vay: Hình thức bảo đảm tín chấp.

Do ông Lưu Minh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 24/8/2016, Ngân hàng TMCPĐA đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2019, như sau: Vốn gốc là 27.250.072 đồng, lãi trong hạn 13.831.697 đồng, lãi quá hạn 20.846.305 đồng. Phí dịch vụ thẻ visa (phí rút tiền mặt): 100.000 đồng, lãi chậm thanh toán: 53.395.346 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, lãi vay và phí ông Lưu Minh C còn nợ tạm tính đến ngày 10/6/2019 là 115.423.420 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lưu Minh C phải trả cho Ngân hàng TMCPĐA tổng số nợ gốc, nợ lãi và phí tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền như sau: Vốn gốc là 27.250.072 đồng, lãi trong hạn 13.831.697 đồng, lãi quá hạn 44.083.804 đồng. Phí dịch vụ thẻ visa (phí rút tiền mặt): 100.000 đồng, lãi chậm thanh toán: 53.425.346 đồng. Tổng cộng là 138.690.919 đồng và lãi phát sinh từ ngày 22/7/2022 cho đến khi ông Lưu Minh C thực trả hết nợ cho nguyên đơn theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng DongA Bank mà ông Lưu Minh C đã ký với nguyên đơn khi thanh toán hết nợ gốc, lãi và phí cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Lưu Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do ông C vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCPĐA khởi kiện yêu cầu ông Lưu Minh C phải trả nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 13 tháng 11 năm 2009, nên đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 471 Bộ luật dân sự 2005. Do bị đơn có địa chỉ tại Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 nay thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lưu Minh C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:

Theo nội dung Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 00/0096/1109 ký ngày 13 tháng 11 năm 2009 giữa Ngân hàng TMCPĐA và bị đơn thể hiện: Số tiền hạn mức thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thời hạn thẻ: 36 tháng và gia hạn kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2013 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016, lãi suất quá hạn bằng 1,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn, biện pháp đảm bảo nợ vay: Hình thức bảo đảm tín chấp. Sau khi cấp Thẻ tín dụng cho ông C, mức lãi suất trong hạn 18%/năm; lãi suất quá hạn là 27%/năm. Việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do ông Lưu Minh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 24/8/2016 Ngân hàng TMCPĐA đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Kể từ đó đến nay, ông C không thanh toán số tiền nợ nêu trên. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông

báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông C đến Tòa án để giải quyết nhưng ông C đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án. Do đó, Ngân hàng TMCPĐA yêu cầu Tòa án buộc ông Lưu Minh C phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/7/2022 gồm các khoản sau: Vốn gốc là 27.250.072 đồng, lãi trong hạn 13.831.697 đồng, lãi quá hạn 44.083.804 đồng, phí dịch vụ thẻ visa (phí rút tiền mặt): 100.000 đồng, lãi chậm thanh toán: 53.425.346 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, lãi vay và phí ông Lưu Minh C phải trả là 138.690.919 đồng. Trả một lần cho Ngân hàng TMCPĐA ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lưu Minh C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là: $138.690.919 \text{ đồng} \times 5\% = 6.934.545 \text{ đồng}$ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCPĐA không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCPĐA số tiền 2.885.586 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0026396 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Điều 471; khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCPĐA. Buộc bị đơn ông Lưu Minh C phải trả số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng DongA Bank số 00/0096/1109 ký ngày 13 tháng 11 năm 2009, gồm: Vốn gốc là 27.250.072 đồng, lãi trong hạn 13.831.697 đồng, lãi quá hạn 44.083.804 đồng, phí dịch vụ thẻ visa (phí

rút tiền mặt): 100.000 đồng, lãi chậm thanh toán: 53.425.346 đồng. Tổng cộng là 138.690.919 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lưu Minh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCPĐA thì lãi suất mà ông Lưu Minh C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCPĐA theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCPĐA.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lưu Minh C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 6.934.545 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCPĐA số tiền 2.885.586 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0026396 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vi Na